

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/DS-PT

Ngày: 20-5-2021

V/v Tranh chấp di sản dùng vào
việc thờ cúng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ;

Bà Dương Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp di sản dùng vào việc thờ cúng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (hợp đồng ủy quyền ngày 18/8/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy H, Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Duy H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà Lâm Thị A, sinh năm 1960; cư trú tại: Khu phố S, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lâm Văn N, sinh năm 1956; cư trú tại: Khu phố B, Phường B,

thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Ông Lâm Văn L1, sinh năm 1963; cư trú tại: Nhà số 8/36, ấp Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Ông Lâm Văn L2, sinh năm 1964; cư trú tại: Khu phố B, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bà Lâm Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lâm Văn V, sinh năm 1968; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Ông Lâm Văn T2, sinh năm 1971; cư trú tại: Khu phố S, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Ông Lâm Văn T3, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố S, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1949; cư trú tại: Khu phố B, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị A là bị đơn, ông Lâm Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Lâm Văn M và cụ Lê Thị H2 có 10 người con chung gồm: Lâm Văn D, Lâm Thị T, Lâm Thị A, Lâm Văn N, Lâm Văn L1, Lâm Văn L2, Lâm Văn V, Lâm Văn H, Lâm Văn T3 và Lâm Văn T2; năm 1975 cụ H2 chết; năm 1984 cụ M kết hôn với cụ Nguyễn Thị K; ông D chết năm 1975 chưa có vợ, con; cụ M chết vào năm 2013.

Năm 2003 cụ M lập di chúc chia phần đất ngang 10,3 m, dài 13 m tọa lạc tại khu phố 6, Phường 3, thành phố Tây Ninh cho các con gồm: Bà T, ông L2, ông L1, ông V, ông T3 mỗi người 01 mét ngang, dài hết đất; chia cụ K ngang 1,3 mét, dài hết đất. Sau khi cụ M chết thì các anh chị em thực hiện chia đất theo di chúc, phần đất còn lại khoảng 4m ngang, dài 13 mét là di sản cụ M để lại nhưng chưa định đoạt trong di chúc và chưa chia, hiện bà A đang sinh sống trên đất.

Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần đất ngang khoảng 4m, dài 13 m thửa số 1a, tờ bản đồ 41, do cụ M đứng tên quyền sử dụng đất, đo đạc thực tế là 46,7 m² (thửa mới 207, tờ bản đồ số 43) tại địa chỉ Khu phố S, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là di sản cụ M để lại dùng vào việc thờ cúng, đồng ý giao bà A quản lý, thực hiện việc thờ cúng và đại diện cho các anh chị em đứng tên quyền sử dụng đất. Riêng căn nhà trên đất 46,7 m² không tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thống nhất ý kiến nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Lâm Thị A trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do cha của bà là cụ M để lại, đo thực tế là 46,7 m². Năm 2003, cụ M lập di chúc chia đất như nguyên đơn trình bày là đúng, phần đất còn lại do cụ M đứng tên quyền sử dụng đất, có nhà của bà trên đất, bà ở thờ cúng cha mẹ. Do bà và em tên Tuấn chưa được hưởng di sản của cụ M nên diện tích đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà và ông T2, vì lúc cha còn sống nói miệng cho bà và ông T2 đất này. Bà không đồng ý yêu cầu của ông H về việc công nhận diện tích đất 46,7 m² là di sản dùng vào việc thờ cúng mà là tài sản của bà và ông T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lâm Văn L2, ông Lâm Văn L1, ông Lâm Văn N, bà Lâm Thị T: Thống nhất với lời trình bày của ông H, xác định phần đất diện tích 46,7 m² thửa 207 tại khu phố 6, Phường 3, thành phố Tây Ninh là di sản thừa kế của cụ M để lại dùng vào việc thờ cúng, giao bà A quản lý thực hiện việc thờ cúng, đại diện anh chị em đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông Lâm Văn V, ông Lâm Văn T3, ông Lâm Văn T2: Thống nhất với lời trình bày của bà A, xác định phần đất diện tích 46,7 m² thửa 207 là di sản do cụ M để lại cho bà A và ông T2.

Cụ K trình bày: Cụ được chia đất ngang 1,3 mét, dài 13 mét nay cụ không tranh chấp gì trong vụ án này.

Bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 12-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 616, 617, 618 và Điều 645 của Bộ luật Dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 46,7 m² thửa số 207, tờ bản đồ số 43, tại địa chỉ Khu phố S, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/3/2001 ông Lâm Văn M đứng tên là di sản dùng vào việc thờ cúng.

Giao bà A là người trực tiếp quản lý di sản thờ cúng; bà A có quyền, nghĩa vụ của người quản lý di sản theo quy định của pháp luật, bà A đại diện các anh chị em kê khai, đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường bê tông dài 13,22 m;

Tây giáp phần đất ngang 1,3 m (ông T3 nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Thị K, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dài 12,99 m;

Nam giáp đường Cách Mạng Tháng Tám dài 3,55 m;

Bắc giáp thửa đất số 01 dài 3,58 m.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/01/2021 bà Lâm Thị A và ông Lâm Văn T2 có đơn kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông Lâm Văn H, ông Lâm Văn L2.

Phần đất tranh chấp, tại cấp phúc thẩm các đương sự thống nhất xác định lại đất có tứ cận như sau:

Đông giáp đường bê tông dài $12,40\text{ m} + 0,8\text{ m} = 13,27\text{ m}$;

Tây giáp phần đất ngang 1,3 m (ông T3 nhận chuyển nhượng của cụ K, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dài 12,99 m;

Nam giáp đường Cách Mạng Tháng Tám dài 3,55 m;

Bắc giáp thửa đất số 01 dài 3,58 m.

Trị giá đất là: 3.362.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lâm Thị A, ông Lâm Văn T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý diện tích đất 46,7 m² thửa mới 207, tờ bản đồ số 43, tại Khu phố S, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là di sản dùng vào việc thờ cúng; yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho rằng phần đất này đã được cụ M cho có các anh chị em ruột biết và cụ M đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A giữ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Lê Thị Kiều D trình bày: Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 46,7 m² thửa mới 207 là di sản dùng vào việc thờ cúng, các đồng thừa kế cùng sở hữu, giao bà A quản lý di sản thờ cúng.

Ông Lâm Văn L1, ông Lâm Văn L2: Thống nhất ý kiến của ông Lâm Văn H.

Ông Lâm Văn T2, ông Lâm Văn N, ông Lâm Văn T3, ông Lâm Văn V: Thống nhất ý kiến của bà Lâm Thị A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị A, ông Lâm Văn T2; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị A, ông Lâm Văn T2. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 12-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thị T, cụ Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà T, cụ K.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị A, ông Lâm Văn T2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Lâm Văn H khởi kiện cho rằng cụ M lập di chúc chia đất cho vợ, con; phần đất còn lại diện tích 46,7 m² thửa 207 cụ M chưa định đoạt trong di chúc, chưa chia; yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này là di sản cụ M để lại dùng vào việc thờ cúng.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm bà A, ông Nam, ông T2, ông V, ông T3, Bà T cho rằng bà A và ông T2 chưa được hưởng di sản do cụ M để lại nên diện tích 46,7 m² thửa 207 là di sản cụ M để lại, nói miệng cho bà A và ông T2. Ông H, ông L1, ông L2 không thừa nhận đất này cụ M đã cho bà A và ông T2. Bà A, ông Nam, ông V, ông T3, ông T2, Bà T không có chứng cứ chứng minh việc cụ M đã cho bà A, ông T2 đất này nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Ông H, người đại diện theo ủy quyền; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Yêu cầu công nhận diện tích 46,7 m² thửa 207 là di sản dùng vào việc thờ cúng, thấy rằng:

Tại Điều 645 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện thờ cúng*”.

Xét thấy, tờ di chúc của cụ M lập vào ngày 25/3/2003 không có ghi phần đất đang tranh chấp ngang 04 mét, dài 13 mét đo thực tế 46,7 m² thửa mới 207 là di sản dùng vào việc thờ cúng; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các đồng thừa kế không thống nhất phần đất này là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, kháng cáo của bà A, ông T2 là có cơ sở chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về yêu cầu công nhận diện tích đất 46,7 m² thửa 207 là di sản dùng vào việc thờ cúng.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị A, ông Lâm Văn T2, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, ông T2; sửa bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 12-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H về yêu cầu công nhận diện tích đất 46,7 m² thửa 207 là di sản dùng vào việc thờ cúng.

[6] Do sửa án sơ thẩm nên cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn H phải chịu 300.000 đồng đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị A được miễn án phí, ông Lâm Văn T2 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 645 Bộ luật dân sự; điểm d, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị A, ông Lâm Văn T2.
2. Sửa bản án số: 01/2021/DS-ST ngày 12-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H đối với bà Lâm Thị A về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 46,7 m² thửa mới là 207, tờ bản đồ số 43, tại Khu phố S, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa số 1a, tờ bản đồ 41, do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/3/2001 ông Lâm Văn M đứng tên là di sản dùng vào việc thờ cúng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo Biên lai số: 0000673, ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị A được miễn án phí; ông Lâm Văn T2 không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông T2 tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số: 0001154 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tp Tây Ninh;
- CCTHADS tp Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tuyền